

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu (thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn) tại xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu (thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn) tại xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc (cấp lần đầu ngày 14/4/2023);

Xét Văn bản số 2459/STNM-BVMT ngày 23/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu (thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn) tại xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 667/Tr-STNMT ngày 17/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã

Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn của Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn thực hiện tại xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc, Giám đốc Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Minh Tiến (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu (thuộc dự án đầu tư phát triển
Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn) tại xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc
của Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu (thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn).
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
- Chủ dự án: Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn
- + Đại diện: Ông Lê Bá Lệ - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trụ Sở, xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- + Điện thoại: 0237 3 881 044

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- *Phạm vi:* Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc với tổng diện tích 19,61 ha (thuộc khu đất đã được UBND tỉnh cho Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn thuê đất tại Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 23/10/2020; cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 127651 ngày 01/9/2021).

- *Công suất sản xuất:* 100.000 tấn viên nén/năm.

- *Công nghệ sản xuất:*

Gỗ/phụ phẩm nông nghiệp → băm → sàng → sấy → nghiền thô → nghiền tinh → ép viên → sàng bụi → làm nguội → đóng bao → lưu kho → xuất bán.

- Nguồn cung cấp nước phục vụ sản xuất: Nước dưới đất (lưu lượng lớn nhất khoảng 130 m³/ngày đêm).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục công trình của dự án:

+ Các hạng mục công trình chính: Khu tập kết phân loại vật tư (04 khu; tổng diện tích: 6.000m²); khu sơ chế và nghiền (diện tích 1.200m²); khu chứa bột (diện tích 2.700m²); lò sấy (diện tích 2.700m²); kho chứa nguyên liệu bột khô (diện tích 1.687,5m²); khu ép viên nén (diện tích 2.700m²); khu xử lý, đóng viên nén và kho (diện tích 2.250m²); khu tập kết nguyên liệu (diện tích 33.050m²);

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Khu hành chính văn phòng (02 khu, tổng diện tích 700m²); khu nghỉ ngơi sinh hoạt chung (06 khu, tổng diện tích 840m²); nhà để xe (04 nhà, tổng diện tích 1.200m²); khu trưng bày sản phẩm

(diện tích 1.000m²); trạm cân (diện tích 200m²); khu tập kết và phân loại vật tư ngoài trời (02 khu, tổng diện tích 35.300,0 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa nguyên liệu, công suất 70 m³/ngày đêm; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 50 m³/ngày đêm; hệ thống xử lý khí thải, bụi; khu vực chứa chất thải rắn và các công trình phụ trợ khác.

- Hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án.

+ Giai đoạn vận hành: Sản xuất viên nén xuất khẩu.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định;

- Dự án có khai thác và sử dụng nguồn nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên nước dưới đất của UBND tỉnh Thanh Hoá.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân,...phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lượng nước thải sinh hoạt công nhân 1,73 m³/ngày (gồm nước rửa tay chân 0,77m³/ngày; nước nhà vệ sinh 0,81m³/ngày; nước thải nhà bếp 0,15m³/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Lượng nước thải từ quá trình rửa lốp xe, vệ sinh máy móc là 3,95m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng 3.160,04(m³/h). Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các công trình mới gồm: bụi và

khí thải từ vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi và khí thải từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động trộn vữa, bê tông, khí thải xe vận chuyển vật liệu, bụi bốc bay. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 14,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm: Sinh khối thực vật có khối lượng khoảng 9,85 tấn; đất bóc hữu cơ và hạ cos nền khoảng 34.176,51m³; chất thải từ phá dỡ công trình hiện hữu khoảng 15,2 tấn; chất thải rắn là vật liệu xây dựng rơi vãi (cát, đá, gạch vỡ, bê tông vỡ...) khoảng 294,8 tấn; mẫu sắt, thép, ống nước, nhựa thừa,... khoảng 10,26 tấn; bao bì xi măng khoảng 645,60kg,...

3.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại khoảng 35kg/đợt thi công. Thành phần chủ yếu là dẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon,...

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh 100 lít/đợt thi công

3.1.5. Một số tác động môi trường khác và rủi ro sự cố

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: sự cố cháy nổ, an toàn lao động, ngộ độc thực phẩm, tiêu thoát nước mặt,...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 19,14m³/ngày (bao gồm nước tắm giặt 6,42m³/ngày đêm, nước nhà vệ sinh 6,42m³/ngày đêm và nước thải nhà bếp 6,30m³/ngày đêm). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất chủ yếu là nước thải xả đáy lò hơi và nước xử lý khí thải lò hơi với tổng lưu lượng khoảng 4,5m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn đóng rắn của muối CaCO₃, MgCO₃; chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn qua khu chứa nguyên liệu có lưu lượng lớn nhất khoảng 408,12 (m³/h). Thành phần chủ yếu là: TSS, BOD₅, COD, PO₄³⁻, Độ màu, Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực còn lại của dự án có lưu lượng lớn nhất khoảng 5.904,88(m³/h). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, rác thải, Coliforms,...

3.2.2. Quy mô tính chất của bụi và khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; từ quá trình trút đổ, bốc xúc vật liệu sản xuất và sản phẩm đi tiêu thụ; từ quá trình sản xuất (băm, nghiền, sàng, sấy, ép,...); từ quá trình

vận hành lò hơi, máy phát điện; bếp ăn.... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂, VOC,...

- Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần gồm: H₂S; NH₃; CH₄,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên vận hành dự án có khối lượng là 101,0kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, hư hỏng, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn sản xuất thông thường:

+ Bụi gỗ, mùn cưa từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, hệ thống hút bụi: 5,45tấn/ngày;

+ Tro từ quá trình đốt lò hơi cấp nhiệt: 280,0kg/ngày.

+ Giấy phế liệu phát sinh trong hoạt động của văn phòng, các bao bì giấy, nhựa đựng văn phòng phẩm khoảng 10kg/tháng.

3.3.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại từ quá trình bảo dưỡng thiết bị, máy móc với tổng khối lượng khoảng 43kg/năm. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc; mực in thải bỏ, than hoạt tính thải, pin-acquy, bóng đèn compact hồng...

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án khoảng 50,0 lít/năm.

3.2.5. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

- Tác động do việc khai thác nước ngầm: Dự án có khai thác nước ngầm để phục vụ hoạt động, do đó, có nguy cơ suy giảm nguồn nước ngầm, có thể dẫn tới sụt lún các công trình xung quanh.

- Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: sự cố nồi hơi, sự cố cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn xây dựng

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

- Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải rửa tay chân, tắm giặt được thu gom vào hố lắng có dung tích 2,0m³ (kích thước bể xây dựng 1,0m x 2,0m x 1,0m; thành và đáy được lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm); nước sau lắng cặn được tận dụng một phần để chống bụi khu vực công trường; phần còn lại thải ra mương thoát nước khu vực.

+ Nước thải từ quá trình ăn uống được đưa về bể tách dầu mỡ thể tích 100lit, nước thải sau tách dầu mỡ được dẫn về hố lắng dung tích 2,0m³ cùng

nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ trước khi tận dụng chống bụi khu vực công trường hoặc thoát ra mương thoát nước khu vực.

+ Nước thải nhà vệ sinh được thu gom về 02 nhà vệ sinh di động (kích thước 2500 x 1.300 x 1000 (mm) đặt tại khu lán trại; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (*tần suất 02 ngày/lần*) bằng xe chuyên dụng.

- *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom về 01 hồ lắng tạm thể tích 2m³ (*kích thước 1,0m x 2,0m x 1,0m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm*) để loại bỏ chất rắn lơ lửng và váng dầu mỡ; nước thải sau lắng được tái sử dụng một phần để chống bụi, vệ sinh máy móc; phần còn lại thải ra hệ thống thoát nước khu vực; váng dầu thu gom và xử lý cùng CTNH.

- *Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:*

+ Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải được che chắn bằng bạt;

+ Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần khu vực mương thoát nước phía Bắc và phía Đông dự án, đồng thời quản lý dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

+ Chất thải sinh hoạt và các chất thải khác được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả ra mặt đất để tránh rác thải cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

+ Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là rộng x sâu=50 x 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 20m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm kích thước 1,0mx1,0mx1,0m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga. Nước mưa được thu gom lắng tại hố ga và chảy theo độ dốc của địa hình tự nhiên khu đất dự án.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền.

- Lắp đặt hàng rào tôn cao 2,5m, dài 250m ở mặt tiếp giáp với tuyến đường qua dự án và đường Hồ Chí Minh;

- Trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên liệu với bán kính khoảng 1,0 km từ công vào dự án và tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư, trường học, khu tập trung đông người; tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh.

- Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường. Khu rửa xe được bố

trí với diện tích 40m², được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được xịt sạch lớp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân tham gia thi công.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

4.1.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

- *Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Trang bị và sử dụng 03 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 20 lít/thùng đặt tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Tận dụng bán phế liệu; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

+ Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân trong vấn đề vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.

- *Đối với chất thải rắn xây dựng:*

+ Chất thải rắn từ phá dỡ công trình hiện hữu và vật liệu xây dựng rơi vãi (cát, đá, gạch vỡ,...) được thu gom, tận dụng san nền khu vực dự án.

+ Mẩu sắt, thép, bao bì xi măng, ống nước, nhựa thừa,... được thu gom, bán phế liệu.

+ Đất bóc hạ cos nền và đào móng thi công được tận dụng một phần trồng cây xanh trong khuôn viên; phần còn lại sử dụng đắp hoàn trả và đắp tôn nền khu vực dự án.

+ Chất thải từ quá trình phát quang được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.1.4. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

- Trang bị ít nhất 03 thùng 100 lít/thùng đặt tại kho tạm trên công trường để thu gom, phân loại lưu giữ chất thải rắn, chất thải lỏng nguy hại theo quy định.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che đặt tại khu vực lán trại; kết thúc giai đoạn thi công, hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu một số tác động môi trường khác và rủi ro, sự cố

- *Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

+ Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

+ Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm

tới mức thấp nhất.

+ Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 22h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h00' đến 13h30').

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- *Biện pháp giảm thiểu độ rung*

+ Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

+ Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

+ Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố*

+ Sự cố tai nạn giao thông: Thực hiện vận chuyển đúng tải trọng quy định, không để xảy ra tình trạng chở quá khổ, quá tải gây hư hỏng đường giao thông; thực hiện nghiêm túc quy định che chắn thùng xe, tốc độ di chuyển trên các tuyến đường, không để rơi vãi nguyên vật liệu ra đường; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm.

+ Sự cố tai nạn lao động: Yêu cầu công nhân thi công sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động; vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, kỹ thuật,...; khi gặp sự cố tai nạn lao động, phải đưa ngay người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu.

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị các phương tiện, thiết bị PCCC tại khu lán trại tạm.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành.

4.2.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa qua khu vực mái nhà, sân đường nội bộ (không bao gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực tập kết nguyên liệu ngoài trời) → cống, rãnh, hố ga → mương thoát nước dọc đường Hồ Chí Minh ở phía Tây dự án.

- Nước mưa chảy tràn qua khu tập kết nguyên liệu ngoài trời → cống, rãnh, hố ga, song chắn rác → HTXL nước mưa chảy tràn (công suất 70 m³/ngày đêm) → mương dọc đường Hồ Chí Minh ở phía Tây dự án.

+ Công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu như sau: Nước thải → bể thu gom - điều hòa → bể trộn phản ứng oxi hóa → bể phản ứng tạo bông → bể lắng → khử trùng → môi trường.

+ Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sau đó thoát ra

mương dọc đường Hồ Chí Minh ở phía Tây dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải nhà ăn → bể tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước sinh hoạt thải tập trung, công suất 50 m³/ngày đêm → mương thoát nước chung.

+ Nước thải tắm, rửa, giặt → cống thoát nước, hố ga → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 50 m³/ngày đêm → mương thoát nước chung.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung → mương thoát nước chung.

+ Công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 50 m³/ngày đêm như sau:

Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng, lọc → bể khử trùng → môi trường.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) được ra mương thoát nước chung dọc đường Hồ Chí Minh tại phía Tây dự án.

- *Nước thải sản xuất*

Nước thải xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy nồi hơi → bể lắng cặn (thể tích 2m³) → tuần hoàn tái sử dụng.

4.3.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Biện pháp giảm thiểu bụi tại công đoạn băm gỗ: Bố trí khu vực đặt máy băm gỗ âm kín, có khu vực băm tiêu thoát ồn; bụi gỗ từ quá trình băm gỗ có độ ẩm cao 45-50% được lắng xuống khu vực sàn xưởng băm, sau đó được thu gom đưa vào hệ thống nghiền tinh sản xuất viên nén sau mỗi ca sản xuất.

- Biện pháp giảm thiểu bụi tại các công đoạn nghiền, sàng, sấy: Tại khu vực máy nghiền, sàng, sấy được lắp đặt hệ thống xử lý bụi đi kèm, công nghệ xử lý như sau: Bụi → Hệ thống chụp hút → Thiết bị Cyclon → Thiết bị lọc bụi tay áo → Ống thoát khí thải cao 12 m (khí thải ra môi trường đạt QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc).

- Sử dụng máy làm sạch sàn nhà chuyên dụng để thu gom toàn bộ lượng bụi lắng dưới nền nhà khu vực băm, nghiền, sàng, sấy,...

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động lò hơi: lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải đi kèm với công nghệ xử lý như sau: Bụi, khí thải lò hơi → Bể hấp thụ nước → Quạt hút → Ống khói thoát khí thải cao 15 m (khí thải ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển các phương tiện phải tắt máy.

- Bố trí nhà xe ngay gần cổng ra vào và các vị trí thuận lợi cho việc ra vào nhà máy.

- Xây dựng nhà xưởng sản xuất thông thoát theo đúng thiết kế.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp khu vực nhà xưởng, sân bãi.
- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

4.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt

+ Tại khu vực nhà xưởng, khu trung bày đặt các thùng đựng rác có nắp đậy bằng nhựa thể tích 20 lít, 60L để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Tại khu nhà vệ sinh bố trí các thùng đựng rác thể tích 15l (thùng có nắp đậy), số lượng 01 thùng/nhà vệ sinh:

+ Tại khu vực nhà ăn đặt các thùng đựng rác có nắp đậy bằng nhựa thể tích 60 lít để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Đối với các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilong, vỏ đồ hộp, ..được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn khu vực.

+ Đối với các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 02 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường:

+ Bụi gỗ từ hệ thống xử lý bụi được thu gom và tái sử dụng đưa vào sản xuất viên nén gỗ/đưa hoặc làm nguyên liệu đốt lò hơi.

+ Tro từ quá trình đốt dăm gỗ tại lò hơi, bụi tro thu gom từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom về các bao tải buộc kín đậy đặt tại khu lưu chứa chất thải rắn thông thường để cung cấp cho các hộ dân trộn ủ phân bón cho cây trồng hoặc hợp đồng với đơn vị đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đối với cặn lò hơi, tro bụi lắng từ xử lý khí thải lò hơi sẽ được xử lý cùng với bùn thải hệ thống xử lý nước thải;

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (không độc hại) sau khi phơi bùn sẽ được bón cho cây trồng trong khuôn viên nhà máy/bón cây vùng nguyên liệu của nhà máy/hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Định kỳ hợp đồng với công ty môi trường địa phương hút bể phốt xử lý theo quy định.

4.3.4. Các công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị ít nhất 03 thùng chuyên dụng loại 100 lít/thùng để thu gom lưu chứa CTNH dạng rắn; dạng lỏng. Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m² tại khu lưu chứa chất thải phía Tây Nam dự án.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3.5. Các công trình, biện pháp ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm

khác khác:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bố trí máy móc trong dây chuyền sản xuất hợp lý, bảo dưỡng định kỳ máy móc trong dây chuyền hoạt động.

- Biện pháp giảm thiểu từ nhiệt dư: Lắp đặt cách nhiệt cho các máy móc có phát sinh nhiệt cao, bảo dưỡng hệ thống cách nhiệt thường xuyên; trang bị quạt hút công nghiệp tại các khu vực nhà xưởng.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ; cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây chuyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng dây chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

4.3.6. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

+ Sự cố hư hỏng hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu tạm thời trong các bể: Bể lắng có dung tích 4,44m³; bể điều hòa có dung tích 21,0m³; bể chứa khử trùng có dung tích 2,1m³ và bể chứa nước thải sau xử lý có thể tích 30m³ kết hợp ứng phó sự cố, tổng thể tích các bể 57,54m³ với thời gian lưu nước thải của dự án trong 2,5 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố do khai thác nước ngầm:

+ Khi khai thác nước ngầm có thể xảy ra hiện tượng sụt lún nhẹ khu vực

khai thác, tuy nhiên xung quanh dự án hiện không có công trình dân sinh và với khu vực rộng lớn là đồi núi và đất trồng cây hàng năm.

+ Tuyên truyền cho cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước, không lãng phí nước trong sản xuất và sinh hoạt, tái sử dụng nước phục vụ cho một số công đoạn sản xuất và phục vụ hoạt động của nhà máy;

- *Biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do sự cố nồi hơi*

+ Treo bảng nội quy, quy định về an toàn trong quá trình vận hành nồi hơi; ghi chú các sự cố có thể xảy ra và phương pháp xử lý tại khu vực đặt nồi hơi.

+ Trước khi vận hành lò cần phải kiểm tra tình trạng các loại máy móc, thiết bị của lò như: loại van, bơm tay hoặc bơm điện, hệ thống đường ống..., đảm bảo hoạt động được mới cho khởi động nồi.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nồi hơi nước; khi xảy ra sự cố cần dừng ngay quá trình hoạt động để sửa chữa, khắc phục.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- Căn cứ theo Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường đối với nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, cụ thể:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra sau bể khử trùng.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Dự án thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải theo Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Cụ thể: Khí thải lò hơi (tổng lưu lượng xả thải 85.565,31m³/h).

+ *Chỉ tiêu, thông số giám sát:* Nhiệt độ, lưu lượng, Bụi tổng, hàm lượng SO₂; NO₂; CO;

+ *Vị trí giám sát:* Lấy mẫu tại thân ống khói thải của lò hơi.

+ *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần;

+ *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy

định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.